

Số: 282/KH-UBND

Móng Cái, ngày 22 tháng 10 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố Móng Cái năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về “Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025”. Theo đề nghị của Phòng Y tế Thành phố tại Tờ trình số 310/TTr-PYT ngày 21/10/2024 và ý kiến thống nhất của các đồng chí Thường trực UBND Thành phố (tại Phiếu trình ngày 21/10/2024 của Văn phòng HĐND - UBND Thành phố), UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn, cụ thể như sau:

#### I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

##### 1. Mục tiêu

**1.1. Mục tiêu chung:** Giữ vững các kết quả đã đạt được tiến tới không chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa; củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiêm chủng.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- Rà soát đối tượng trên địa bàn, dự trữ đầy đủ vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng.
- Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt  $\geq 95\%$ .
- Duy trì thành quả và nâng cao hiệu quả công tác Tiêm chủng mở rộng.
- Triển khai vắc xin mới trong Tiêm chủng mở rộng (nếu có, theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế, Sở Y tế)

#### 2. Chỉ tiêu chuyên môn

##### 2.1. Chỉ tiêu tiêm chủng vắc xin

- (1) Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trẻ dưới 1 tuổi đạt  $\geq 95\%$ ;
- (2) Chỉ tiêu tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đạt  $\geq 90\%$ ;
- (3) Tỷ lệ tiêm vắc xin Uốn ván 2 (UV2 +) cho Phụ nữ có thai đạt  $\geq 90\%$ ;
- (4) Tỷ lệ tiêm vắc xin Bại liệt (IPV) đạt  $\geq 90\%$ ;
- (5) Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản đạt  $\geq 90\%$ ;
- (6) Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi - Rubella (MR) đạt  $\geq 95\%$ ;
- (7) Tỷ lệ tiêm vắc xin Bạch hầu-Ho gà-Uốn ván (DPT) đạt  $\geq 90\%$ ;
- (8) Tỷ lệ tiêm vắc xin Bạch hầu-Ho gà-Uốn ván giảm liều (Td) đạt  $\geq 90\%$ ;
- (9) Tỷ lệ uống vắc xin Rota tại vùng triển khai đạt  $\geq 90\%$ ;

## 2.2. Chỉ tiêu giám sát trong tiêm chủng vắc xin

- (1) Không có ca bại liệt do vi rút bại liệt hoang dại;
- (2) 100% xã, phường đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh;
- (3) Tỷ lệ mắc sởi  $\leq 5/100.000$  người;
- (4) Tỷ lệ mắc bạch hầu  $\leq 0,1/100.000$  người;
- (5) Tỷ lệ mắc ho gà  $\leq 1/100.000$  người;
- (6) Ca liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu  $\geq 1/100.000$  trẻ dưới 15 tuổi;
- (7) Ca nghi Sởi/Rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm  $\geq 2/100.000$  dân trên phạm vi Thành phố;
- (8) Số ca chết sơ sinh được điều tra  $\geq 2/1.000$  trẻ đẻ sống.

\* *Chỉ tiêu giao các xã, phường: (Tại Phụ lục 01 kèm theo).*

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Phạm vi, phương thức triển khai

- Phạm vi triển khai: Trên toàn địa bàn Thành phố.
- Phương thức triển khai:

+ Giao chỉ tiêu tỷ lệ tiêm chủng cho từng xã, phường trên địa bàn Thành phố; trên cơ sở đó thường xuyên kiểm đếm, đánh giá kết thực hiện hàng tháng, hàng quý đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao.

+ Rà soát, kịp thời có giải pháp chú trọng đặc biệt đối với các đối tượng tại vùng nguy cơ cao (*tỷ lệ Tiêm chủng thấp, bỏ mũi cao, tỷ lệ phụ nữ ít được quan tâm tới chăm sóc sức khỏe sinh sản...*), các xã sơn khu, hải đảo khó tiếp cận với dịch vụ y tế.

### 2. Hình thức tổ chức tiêm chủng

- Tiêm chủng thường xuyên hàng tháng.
- Triển khai tiêm chủng vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ sau sinh tại Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái.
- Tổ chức tiêm bù, tiêm vét; tiêm chủng chiến dịch và các hình thức khác theo chỉ đạo của UBND Tỉnh, Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tỉnh.
- Tiêm chủng chống dịch: Căn cứ vào chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND Tỉnh và tình hình dịch bệnh tại các xã, phường đề xuất triển khai tiêm vắc xin can thiệp để phòng chống dịch bệnh (*khi cần thiết*).
- Tiêm chủng dịch vụ: Quan tâm, đẩy mạnh phát triển hệ thống tiêm chủng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

### 3. Đối tượng tiêm chủng

- Toàn bộ trẻ em từ dưới 1 tuổi đến 7 tuổi và phụ nữ có thai trên địa bàn toàn Thành phố, cụ thể:

+ Trẻ em dưới 1 tuổi: Tiêm vắc xin phòng Lao, Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt, Sởi, Viêm gan B, Hib, uống vắc xin tiêu chảy do Rota virus (tại xã, phường được chỉ định triển khai);

+ Trẻ em từ 1-5 tuổi: Tiêm vắc xin phòng bệnh Viêm não Nhật Bản B;

+ Trẻ từ 18-24 tháng tuổi: Tiêm vắc xin Bạch hầu – Ho gà – Uốn ván (DPT), vắc xin Sởi – Rubella (MR);

+ Trẻ em 7 tuổi: Tiêm vắc xin phòng Uốn ván, Bạch hầu (Td);

+ Phụ nữ mang thai: Tiêm vắc xin phòng Uốn ván;

- Đối tượng khác theo yêu cầu, chỉ định của Bộ Y tế, Sở Y tế.

*(Chi tiết dự kiến số đối tượng tại Phụ lục 2)*

#### **4. Hoạt động triển khai**

##### **4.1. Công tác quản lý đối tượng và tổ chức tiêm chủng**

- Tổng hợp rà soát đối tượng theo thôn, khu xác định nhu cầu về vắc xin, vật tư, trang thiết bị, xây dựng kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Triển khai các đợt tiêm bù, tiêm vét đối tượng trẻ năm 2024 chưa tiêm, tiêm chưa đủ mũi; Theo dõi đánh giá kết quả tiêm đối tượng năm 2025, tổ chức tiêm bù tiêm vét với địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp để đảm bảo cho trẻ được tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch.

- Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về tiêm chủng vắc xin cho các tuyến, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo đúng quy định về đối tượng tiêm chủng, thời gian tiêm chủng đối với từng loại vắc xin...

- Tổ chức hiệu quả công tác tiêm chủng thường xuyên tại các xã, phường và các chiến dịch tiêm chủng theo hướng dẫn Bộ Y tế, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Sở Y tế. Hoàn thành chỉ tiêu tiêm chủng năm 2025. Quan tâm chỉ đạo việc tăng cường chất lượng và tỷ lệ tiêm chủng tại những vùng sâu, vùng xa, những địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp, các nhóm đối tượng yếu thế...

- Tiếp tục triển khai tiêm chủng vắc xin viêm gan B sơ sinh tại Trung tâm Y tế Thành phố và mở rộng triển khai tổ chức tiêm chủng vắc xin khác trong tiêm chủng mở rộng tại Trung tâm Y tế Thành phố. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để mở rộng triển khai hoạt động tiêm chủng tại Trung tâm Y tế đạt hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho các nhóm đối tượng. Triển khai lồng ghép tiêm vắc xin COVID-19 vào buổi tiêm chủng thường xuyên tại các Trạm Y tế hoặc tổ chức tiêm chủng chiến dịch phù hợp với thực tế triển khai tại từng xã, phường và theo chỉ đạo của Sở Y tế.

- Duy trì và đẩy mạnh hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, đáp ứng với phản ứng nặng sau tiêm tránh làm người dân hoang mang, lo lắng, ảnh hưởng đến tỷ lệ tiêm chủng...

- Trung tâm Y tế Thành phố tiếp nhận vắc xin từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tỉnh, thực hiện quản lý, bảo quản, cấp phát vắc xin đúng quy định để đảm bảo vắc xin luôn có chất lượng tốt, giảm hao phí vắc xin và an toàn tiêm chủng.

#### **4.2. Công tác tuyên truyền, vận động đối tượng tiêm chủng**

- Xây dựng kế hoạch truyền thông hàng năm về tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19, xây dựng nội dung truyền thông phong phú, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, tập trung vào các vấn đề người dân quan tâm.

- Đa dạng hoá các loại hình truyền thông để thông tin đến được với người dân nhanh nhất, thông tin đảm bảo tin cậy, chính xác.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông về lợi ích tiêm chủng, lịch tiêm chủng, hướng dẫn theo dõi, xử trí phản ứng sau tiêm chủng... đến phụ huynh của trẻ.

- Thường xuyên cập nhật thông tin, tình hình cung ứng vắc xin, thông báo kịp thời đến người dân.

#### **4.3. Triển khai tổ chức tiêm chiến dịch**

- Triển khai chiến dịch tiêm vắc xin uốn ván bạch hầu (Td) cho trẻ 7 tuổi tại các trường học năm 2025 (khi có chỉ đạo).

- Triển khai chiến dịch tiêm vắc xin Cúm mùa cho cán bộ Y tế trên địa bàn Thành phố Theo chỉ đạo của Bộ Y tế, Sở Y tế.

#### **4.4. Công tác đào tạo, tập huấn**

- Phối hợp với các đơn vị tuyến tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, nhân viên y tế thuộc Trung tâm Y tế Thành phố, các Trạm Y tế xã, phường, nhân viên tiêm chủng tại các cơ sở tiêm vắc xin dịch vụ về công tác tiêm an toàn, công tác giám sát, thống kê báo cáo, triển khai phần mềm tiêm chủng, phần mềm quản lý dây chuyền lạnh, công tác tuyên truyền, vận động...

- Tập huấn, hướng dẫn cho các cộng tác viên phối hợp tham gia công tác tiêm chủng (y tế thôn bản, y tế trường học, cán bộ thôn/khu...) về tuyên truyền, vận động và theo dõi sau tiêm chủng.

#### **4.5. Công tác giám sát ca bệnh truyền nhiễm có vắc xin trong TCMR**

- Giám sát, điều tra, lấy mẫu các trường hợp mắc bệnh thuộc bệnh truyền nhiễm có vắc xin trong TCMR.

- Giám sát ca bệnh trong tiêm chủng lồng ghép giám sát dựa vào sự kiện đối với các trường hợp Liệt mềm cấp; Sốt phát ban nghi sởi/Rubella; Uốn ván sơ sinh, Viêm não Nhật bản B, Ho gà, Bạch hầu, chết sơ sinh tại Trung tâm Y tế, Trạm Y tế xã, phường. Giám sát, phát hiện các bệnh khác: Lao, viêm gan B, tả, thương hàn...

- Đảm bảo duy trì tỷ lệ uống/tiêm đầy đủ liều vắc xin theo quy định của Bộ Y tế; Giám sát chặt chẽ các ca bệnh để phân tích tìm ra nguyên nhân và có biện pháp xử lý can thiệp phù hợp.

#### **4.6. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tiêm chủng**

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai hoạt động tiêm chủng tại các đơn vị, trong đó chú trọng giám sát việc tuân thủ quy định an toàn tiêm chủng, cập nhật phần mềm tiêm chủng và hoạt động của các cơ sở tiêm chủng dịch vụ.

- Thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát triển khai các hoạt động tiêm chủng tại các đơn vị dự phòng, điều trị; đánh giá cơ sở vật chất và nhân lực tham gia hoạt động tiêm chủng, công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng vắc xin, hệ thống dây chuyền lạnh và vật tư TCMR, tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 tại các xã, phường.

- Nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát tại các tuyến, phát hiện những vấn đề tồn tại, hạn chế để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Phản hồi kết quả kiểm tra, giám sát và đề xuất đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng trên địa bàn Thành phố.

#### **4.7. Giám sát phản ứng sau tiêm chủng**

- Thực hiện nghiêm công tác giám sát phản ứng sau tiêm chủng theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Trưởng Bộ Y tế.

- Duy trì và củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế trong việc giám sát phản ứng sau tiêm chủng. Cập nhật tổng hợp và thông tin phản ứng sau tiêm chủng cho các đơn vị y tế tuyến tỉnh.

#### **4.8. Thực hiện phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia**

- Quản lý và cập nhật 100% đối tượng tiêm chủng vào phần mềm Tiêm chủng Quốc gia. Đặc biệt 100% đối tượng được sinh tại Trung tâm Y tế Thành phố, Trạm Y tế xã, phường được cập nhật thông tin lên phần mềm tiêm chủng.

- Tăng cường rà soát đối tượng trên địa bàn để cập nhật chính xác, đầy đủ thông tin đối tượng tiêm chủng, thông tin các mũi tiêm của đối tượng từ đó có số liệu về độ bao phủ vắc xin và kết quả thực hiện tiêm chủng trên địa bàn.

- Triển khai, phát triển các tiện ích phần mềm quản lý hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia, sổ tiêm chủng điện tử, kết nối liên thông dữ liệu với các phần mềm quản lý sức khỏe, quản lý công dân.

#### **4.9. Củng cố hệ thống thống kê, tăng cường chất lượng báo cáo**

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách về thống kê báo cáo Tiêm chủng mở rộng tại các tuyến, các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, thực hiện báo cáo theo Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Trưởng Bộ Y tế. Hướng dẫn, hỗ trợ phân tích số liệu thống kê tiêm chủng đối với tuyến dưới.

- Thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin trên tất cả các biểu mẫu báo cáo tại hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia: báo cáo bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, hoàn thiện đầy đủ số liệu các biểu báo cáo.

- Cập nhật số liệu tiêm chủng, vắc xin trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia đúng quy định.

#### **4.10. Ứng dụng khoa học công nghệ trong tiêm chủng mở rộng**

- Tích cực triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác tiêm chủng; Ứng dụng thành tựu từ kết quả nghiên cứu khoa học trong công tác tiêm chủng để cải thiện và nâng cao chất lượng tiêm chủng trên địa bàn.

- Khai thác triệt để các ứng dụng phần mềm trong việc báo cáo bệnh truyền nhiễm, tiếp nhận thông tin về dịch bệnh, quản lý tiêm chủng... để hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác dữ liệu phục vụ cho triển khai kế hoạch tiêm chủng.

#### **4.11. Tiếp nhận, cấp phát vắc xin, vật tư tiêm chủng**

- Trung tâm Y tế Thành phố là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tiếp nhận vắc xin, bảo quản và cung ứng vắc xin cho các xã, phường. Bám sát nắm bắt tình hình cung ứng vắc xin TCMR và thực hiện đăng ký nhu cầu vắc xin đúng thời hạn quy định; rà soát, cung ứng đảm bảo Bơm kim tiêm, vật tư tiêm chủng cho các điểm tiêm chủng theo quy định.

- Đảm bảo hệ thống dây chuyền lạnh từ tuyến Thành phố đến xã, phường để bảo quản vắc xin theo quy định. Có phương án bảo quản dự phòng đảm bảo chất lượng vắc xin khi có tình huống bất thường xảy ra.

- Rà soát lại hệ thống dây chuyền lạnh từ Thành phố đến xã, phường đề xuất với Sở Y tế Quảng Ninh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tỉnh phê duyệt bổ sung định mức trang thiết bị đảm bảo dung tích bảo quản vắc xin đáp ứng lộ trình tăng số lượng vắc xin giai đoạn 2022-2030 theo Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ.

- Đảm bảo thực hiện tốt quy định hệ số sử dụng vắc xin theo Quyết định của Sở Y tế ban hành.

### **III. KINH PHÍ**

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương.
2. Kinh phí từ nguồn ngân sách của Tỉnh.
3. Kinh phí địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Y tế Thành phố**

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế Thành phố, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND Thành phố chỉ đạo triển khai Kế hoạch này. Kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc, đặc biệt đối với các địa bàn có tỷ lệ tiêm chủng thấp, vùng nguy cơ xảy ra dịch bệnh để kịp thời tham mưu cho Thành phố có biện pháp tháo gỡ.

- Phối hợp với Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố và các đơn vị có liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động tiêm chủng mở rộng đến người dân, đặc biệt thường xuyên cập nhật thông tin, thông báo cho người dân tình hình cung ứng vắc xin chương trình tiêm chủng.

- Tham mưu thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát công tác triển khai tổ chức các hoạt động trong tiêm chủng mở rộng.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND xã, phường thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng công lập và các cơ sở tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn Thành phố năm 2025.

- Tổng hợp, lập dự toán kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt để triển khai thực hiện (nếu có).

## **2. Trung tâm Y tế Thành phố**

- Phối hợp với Phòng Y tế tham mưu cho UBND Thành phố chỉ đạo triển khai Kế hoạch này. Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các hoạt động tiêm chủng thường xuyên năm 2025, trong đó xác định rõ đối tượng tiêm chủng, nhu cầu vắc xin và các nguồn lực để đảm bảo triển khai tiêm chủng mở rộng trên địa bàn. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn tiêm chủng đảm bảo hiệu quả, an toàn, đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên cập nhật, hướng dẫn chuyên môn và bám sát thông tin cung ứng vắc xin tiêm chủng mở rộng của Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tỉnh kịp thời hướng dẫn các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện.

- Là đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn Trạm Y tế rà soát, tổng hợp và quản lý đối tượng tiêm chủng mở rộng trên địa bàn và triển khai tiêm an toàn hiệu quả, tiếp nhận vắc xin, vật tư tiêm chủng cung ứng cho các xã, phường trên địa bàn Thành phố. Thường xuyên cập nhật hướng dẫn chuyên môn theo chỉ đạo của Sở Y tế, Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tỉnh; chỉ đạo triển khai hiệu quả phần mềm tiêm chủng và phần mềm quản lý dây truyền lạnh, sổ tiêm chủng điện tử; Đảm bảo đầy đủ thuốc, trang thiết bị, phương tiện... sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu và điều trị bệnh nhân, xử trí kịp thời các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng bao gồm các trường hợp do tuyến dưới chuyển lên. Phân công cán bộ phụ trách giám sát các xã, phường trong việc triển khai công tác TCMR, theo tháng, quý, năm.

- Cập nhật 100% trẻ sinh tại Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế lên Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia. Tổ chức thực hiện tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh đảm bảo an toàn tiêm chủng và chỉ tiêu theo Kế hoạch. Sẵn sàng triển khai tiêm chủng các vắc xin TCMR khác khi có hướng dẫn.

- Phối hợp với Trung tâm Truyền thông - Văn hoá Thành phố triển khai tốt các hoạt động truyền thông trước và trong tiêm chủng.

- Thực hiện quản lý công tác tiêm chủng trên hệ thống phần mềm, quản lý số liệu sổ sách trên hệ thống phần mềm. Tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng theo đúng quy định gửi về UBND Thành phố (qua Phòng Y tế Thành phố) để báo cáo Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tỉnh theo quy định.

**3. Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố:** Thẩm định, tham mưu cho Thành phố bố trí kinh phí hỗ trợ triển khai tiêm chủng mở rộng theo đề xuất của Phòng Y tế Thành phố và đảm bảo theo quy định.

#### 4. Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố

- Chỉ đạo các trường học phối hợp với ngành y tế tăng cường công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh, học sinh tham gia đầy đủ các chiến dịch tiêm chủng trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với các Trạm Y tế xã, phường trong việc quản lý đối tượng tiêm chủng, tổ chức hoạt động tiêm chủng đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

- Phối hợp với ngành Y tế chủ trì các hoạt động y tế trường học, đặc biệt công tác quản lý hồ sơ sức khỏe, thông tin tiêm chủng của trẻ. Triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông về lợi ích của việc tiêm chủng vắc xin trong Chương trình TCMR. Phối hợp với ngành Y tế triển khai hiệu quả, đảm bảo chỉ tiêu các chiến dịch tiêm chủng vắc xin cho trẻ; theo dõi, báo cáo kịp thời các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng.

- Vận động cha mẹ học sinh cho con tham gia tiêm chủng mở rộng đủ mũi theo khuyến cáo của Bộ Y tế.

#### 5. Phòng Văn hoá - Thông tin, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố

Phối hợp với ngành Y tế và các đơn vị liên quan, UBND xã, phường triển khai công tác truyền thông về tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 trên các hạ tầng truyền thông (*phát thanh, truyền hình, Cổng Thông tin điện tử Thành phố, trang mạng xã hội, ...*), sử dụng đa dạng các hình thức, thể loại báo chí để thông tin tuyên truyền với thời lượng, tần suất và nội dung phù hợp nhằm nâng cao nhận thức và vận động người dân cho con em mình tham gia tiêm chủng vắc xin đầy đủ để phòng chống dịch bệnh, an toàn sức khỏe.

#### 6. Đề nghị Cơ quan Khôi Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố

Phối hợp trong việc tuyên truyền, đôn đốc, vận động người dân, cán bộ công chức, viên chức, người lao động cho con, em tham gia tiêm chủng đầy đủ, đúng thời gian quy định.

#### 7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai tiêm chủng mở rộng năm 2025 tại địa phương đạt hiệu quả, phân đầu thực hiện đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động tiêm chủng mở rộng đến người dân, đặc biệt thường xuyên cập nhật thông tin và thông báo, giải thích cho người dân tình hình cung ứng vắc xin tiêm chủng mở rộng hiện nay để tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

- Căn cứ Nghị định 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định hoạt động tiêm chủng chỉ đạo các ban ngành phối hợp với Trạm Y tế rà soát đối tượng và đề xuất dự trữ vắc xin TCMR cho năm 2026 gửi về Trung tâm Y tế Thành phố trước ngày 25/5/2025 để tổng hợp báo cáo Sở Y tế Tỉnh theo quy định.

- Bố trí kinh phí triển khai các hoạt động tiêm chủng tại địa phương theo quy định hiện hành.



- Thực hiện báo cáo định kỳ: 6 tháng (trước ngày 01/7), báo cáo 01 năm (trước ngày 31/12) về Trung tâm Y tế, Phòng Y tế Thành phố để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn Thành phố. UBND Thành phố đề nghị Cơ quan Khôi Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố quan tâm phối hợp; yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, có khó khăn vướng mắc báo cáo kịp thời về UBND Thành phố (qua Phòng Y tế) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế Quảng Ninh (b/c);
- TT Thành ủy, TT HĐND Thành phố (b/c);
- CT, các PCT UBND Thành phố (p/h c/đ);
- Cơ quan Khôi MTTQ và các đoàn thể CT-XH Thành phố (p/h);
- Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn (th/h);
- UBND các xã, phường (th/h);
- VP1, V2, V10;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thu Hương*

**Nguyễn Thu Hương**

**PHỤ LỤC 1**  
**Chỉ tiêu tiêm chủng năm 2025 trên địa bàn Thành phố**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 282/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND thành phố Móng Cái)*

| TT               | Đơn vị            | Tỷ lệ TC đầy đủ các loại vắc xin trẻ <1 tuổi | Tỷ lệ tiêm viêm gan B trong vòng 24h đầu sau sinh | Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin uốn ván (2 lần trở lên) cho phụ nữ có thai | Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật bản | Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin Sởi - Rubella cho trẻ 18 - 24 tháng tuổi | Tỷ lệ tiêm nhắc vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT) cho trẻ từ 18-24 tháng tuổi | Tỷ lệ tiêm vắc xin Td cho trẻ em từ 7 tuổi | Tỷ lệ tiêm vắc xin Bại liệt (IPV) | Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi tiêm được uống đủ liều vắc xin Rato tại vùng triển khai tiêm chủng |
|------------------|-------------------|--|---|---|--------------------------------------|---|--|--|-----------------------------------|--|
| 1                | Phường Hải Yên    | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 2                | Phường Ninh Dương | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 3                | Phường Ka Long    | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 4                | Phường Hòa Lạc    | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 5                | Phường Trần Phú   | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 6                | Phường Hải Hòa    | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 7                | Phường Trà Cổ     | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 8                | Phường Bình Ngọc  | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 9                | Xã Vạn Ninh       | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 10               | Xã Hải Xuân       | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 11               | Xã Quảng Nghĩa    | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 12               | Xã Hải Đông       | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 13               | Xã Hải Tiến       | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 14               | Xã Hải Sơn        | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 15               | Xã Bắc Sơn        | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 16               | Xã Vĩnh Trung     | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| 17               | Xã Vĩnh Thực      | ≥ 95   | ≥ 90  | ≥ 90  | ≥ 90                                 | ≥ 95  | ≥ 90   | ≥ 90                                       | ≥ 90                              | ≥ 90   |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>≥ 95</b>                                  | <b>≥ 90</b>                                       | <b>≥ 90</b>   | <b>≥ 90</b>                          | <b>≥ 95</b>   | <b>≥ 90</b>  | <b>≥ 90</b>                                | <b>≥ 90</b>                       | <b>≥ 90</b>  |

**PHỤ LỤC 2**  
**ĐU KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG TOÀN THÀNH PHỐ NĂM 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 282/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND thành phố Móng Cái)*

| TT | Đơn vị            | Tổng số thôn | Dân số        | Trẻ < 1 tuổi | Trẻ 18 tháng | Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi) |                   | Trẻ 7 tuổi  | Phụ nữ có thai |
|----|-------------------|--------------|---------------|--------------|--------------|--|-------------------|-------------|----------------|
|    |                   |              |               |              |              | Số trẻ tiêm mũi 2                      | Số trẻ tiêm mũi 2 |             |                |
| 1  | Phường Hải Yên    | 7            | 13752         | 150          | 100          | 150                                    | 150               | 155         | 150            |
| 2  | Phường Ninh Dương | 7            | 10664         | 150          | 120          | 150                                    | 150               | 150         | 140            |
| 3  | Phường Ka Long    | 6            | 7502          | 110          | 93           | 110                                    | 110               | 115         | 110            |
| 4  | Phường Hòa Lạc    | 4            | 4310          | 50           | 55           | 50                                     | 50                | 208         | 50             |
| 5  | Phường Trần Phú   | 3            | 4123          | 55           | 55           | 55                                     | 55                | 210         | 55             |
| 6  | Phường Hải Hòa    | 9            | 14808         | 190          | 190          | 190                                    | 195               | 178         | 190            |
| 7  | Phường Trà Cổ     | 4            | 5309          | 65           | 75           | 75                                     | 76                | 95          | 65             |
| 8  | Phường Bình Ngọc  | 4            | 3671          | 50           | 50           | 50                                     | 50                | 75          | 50             |
| 9  | Xã Vạn Ninh       | 5            | 7655          | 110          | 117          | 117                                    | 117               | 120         | 110            |
| 10 | Xã Hải Xuân       | 13           | 9432          | 126          | 126          | 126                                    | 126               | 126         | 126            |
| 11 | Xã Quảng Nghĩa    | 5            | 3780          | 48           | 50           | 50                                     | 50                | 75          | 48             |
| 12 | Xã Hải Đông       | 10           | 7629          | 100          | 90           | 100                                    | 100               | 100         | 100            |
| 13 | Xã Hải Tiến       | 9            | 6648          | 100          | 100          | 100                                    | 100               | 100         | 100            |
| 14 | Xã Hải Sơn        | 3            | 1585          | 30           | 23           | 30                                     | 30                | 30          | 30             |
| 15 | Xã Bắc Sơn        | 4            | 1832          | 30           | 30           | 30                                     | 30                | 40          | 30             |
| 16 | Xã Vĩnh Trung     | 4            | 1855          | 30           | 25           | 30                                     | 30                | 50          | 30             |
| 17 | Xã Vĩnh Thục      | 3            | 3276          | 60           | 60           | 60                                     | 60                | 75          | 60             |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>100</b>   | <b>107831</b> | <b>1454</b>  | <b>1359</b>  | <b>1473</b>                            | <b>1479</b>       | <b>1902</b> | <b>1444</b>    |

*Trên địa bàn thành phố Móng Cái không có xã, thôn thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn*



**PHỤ LỤC 3**  
**TỔNG HỢP NHU CẦU VẮC XIN TCMR NĂM 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 282/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND thành phố Móng Cái)*

| TT  | Vắc xin                          | Tổng hợp nhu cầu vắc xin năm 2025 |  |                                      |               |              |                 |               |  |  | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|---------------|--------------|-----------------|---------------|--|--|---------|
|     |                                  | Đôi tượng tiêm chủng dự kiến      | Tỷ lệ tiêm chủng tối thiểu cần đạt (%) | Số đối tượng cần tiêm chủng năm 2025 |               |              | Số mũi cần tiêm | Hệ số sử dụng | Số liều vắc xin cần tiêm trong chương trình TCMR | Số liều vắc xin dự trữ (Chẩn liệu theo lọ) |         |
|     |                                  |                                   |  | Tổng cộng                            | Trong TCMR    | Trong TCDV   |                 |               |  |  |         |
| (1) | (2)                              | (3)                               | (4)                                    | (5)=(3)*(4)                          | (6)           | (7)=(5)-(6)  | (8)             | (9)           | (10)=(6)*(8)*(9)                                 | (11)                                       |         |
| 1   | VGB                              | 1.454                             | 90%                                    | 1.309                                | 1.309         | 0            | 1               | 1.05          | 1.374  | 1.380                                      |         |
| 2   | Lao                              | 1.454                             | 95%                                    | 1.381                                | 1.067         | 314          | 1               | 1.7           | 1.814  | 2.210                                      |         |
| 3   | DPT-VGB-HiB(5 trong 1)           | 1.454                             | 95%                                    | 1.381                                | 910           | 471          | 3               | 1.05          | 2.867  | 3.200                                      |         |
| 4   | Bại liệt (OPV)                   | 1.454                             | 95%                                    | 1.381                                | 910           | 471          | 3               | 1.5           | 4.095  | 4.480                                      |         |
| 5   | Bại liệt (IPV)                   | 1.454                             | 95%                                    | 1.381                                | 910           | 471          | 2               | 1.5           | 2.730  | 2.750                                      |         |
| 6   | Sởi                              | 1.454                             | 95%                                    | 1.381                                | 1.150         | 231          | 1               | 1.5           | 1.725  | 2.140                                      |         |
| 7   | Bạch hầu, ho gà, uốn ván (DPT)   | 1.359                             | 90%                                    | 1.223                                | 1.050         | 173          | 1               | 1.8           | 1.890  | 3.540                                      |         |
| 8   | Sởi-Rubella (MR)                 | 1.359                             | 95%                                    | 1.291                                | 1.055         | 236          | 1               | 1.5           | 1.583  | 2.100                                      |         |
| 9   | Uốn ván (VAT)                    | 1.444                             | 90%                                    | 1.300                                | 953           | 347          | 2               | 1.7           | 3.240  | 3.780                                      |         |
| 10  | VNNB                             | 1.473                             | 90%                                    | 1.326                                | 1.068         | 258          | 3               | 1.5           | 4.806  | 5.150                                      |         |
| 11  | Rota                             | 1.454                             | 90%                                    | 1.309                                | 1.106         | 203          | 2               | 1.05          | 2.323  | 2.323                                      |         |
| 12  | Uốn ván, bạch hầu giảm liều (Td) | 1.902                             | 90%                                    | 1.712                                | 1.686         | 26           | 1               | 1.05          | 1.770  | 2.200                                      |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                 | <b>17.715</b>                     |  | <b>16.375</b>                        | <b>13.174</b> | <b>3.201</b> |                 |               | <b>30.216</b>                                    | <b>35.253</b>                              |         |

**Ghi chú:**

\*\* Đối với vắc xin Viêm gan B: Dự trữ vắc xin cần để triển khai tiêm chủng cho trẻ được sinh ra tại trung tâm Y tế và các trạm y tế xã, phường trên địa bàn (bao gồm đối tượng trẻ trong Thành phố và ngoài Thành phố).

\* Hệ số sử dụng: Áp dụng theo mức bằng hoặc thấp hơn mức toàn quốc quy định tại QĐ số 1038/QĐ-SYT ngày 13/8/2024 của Sở Y tế.

(4) Chỉ tiêu tiêm chủng tại thời điểm xây dựng đề xuất nhu cầu vắc xin gửi Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

(4.1) Chỉ tiêu tiêm chủng cần đạt trong năm 2025, quyết định ban hành kế hoạch sau thời điểm đề xuất vắc xin.